TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **57**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06/3/2023

V/v tranh chấp: "Ly hôn, chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Khỏe**
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Văn Sáu**
2. Ông **Phạm Trung Thành**
- Thư ký phiên toà: Ông **Phạm Thị Kim Liêu** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày **06** tháng **3** năm **2023** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 19/2023/TLST-HNGĐ ngày 10/01/2023 về việc tranh chấp "Ly hôn, chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/02/2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị U**, sinh năm 1964.
Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
* Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1962.
Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
(Bà U, ông S có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 29/12/2022 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Đặng Thị U trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Do tìm hiểu quen biết trước bà U và ông S xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1984, không có đăng ký kết hôn vợ chồng sống đến năm 2019 xảy ra mâu thuẫn do ông S nhậu về hay chửi mắn, đánh đập, ly thân 02 tháng nay. Do cuộc sống vợ chồng sống không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn đoàn tụ lại được nên bà U yêu cầu ly hôn với ông S.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 10/11/1984, Nguyễn Thúy H, sinh ngày 12/02/1986 và Nguyễn Hữu N, sinh ngày 07/11/1988, hiện con thành niên nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Có thửa đất số 387, tờ bản đồ số HCC6, diện tích 4.787m^2 và thửa số 531, tờ bản đồ số HCC6, diện tích 2.246m^2 và thửa số 532, tờ bản đồ số HCC6, diện tích 288m^2 tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang do ông Nguyễn Văn S đứng tên và căn nhà tường cấp 04 cất trên thửa 531. Khi ly hôn bà U yêu cầu nhận căn nhà, đất yêu cầu chia ½ quyền sử dụng đất. Nhưng tại tòa bà U xin rút lại toàn bộ yêu cầu về chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian kết hôn, không đăng ký kết hôn như bà U trình bày là đúng, trong quá trình chung sống có cự cải qua lại chứ không có đánh đập như bà U trình bày, bà U mới đi khoảng 02 tháng nay. Do vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, ông S còn tình cảm với bà U nên không đồng ý ly hôn mong vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 10/11/1984, Nguyễn Thúy H, sinh ngày 12/02/1986 và Nguyễn Hữu N, sinh ngày 07/11/1988, hiện con thành niên nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Do tìm hiểu quen biết trước bà U và ông S xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1984, không có đăng ký kết hôn nhưng vợ chồng đã tổ chức đám cưới chung sống và có con chung với nhau trước ngày 03/01/1987 theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và điểm c mục 2 Thông tư số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001, nên hôn nhân giữa bà U và ông S là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống đến năm 2019 xảy ra mâu thuẫn do ông S nhậu về hay chửi mắn, đánh đập, ly thân 02 tháng nay. Do cuộc sống vợ chồng sống không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn đoàn tụ lại được nên bà U yêu cầu ly hôn với ông S. Ông S không đồng ý ly hôn mong vợ chồng hàn gắn đoàn tụ.

Xét, sau khi bà U và ông S xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1984, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian cho đến 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do ông S nhậu về hay chửi mắn, đánh đập nhiều lần. Tại tòa sơ thẩm ông S cho rằng vẫn còn tình cảm với bà U, nhưng trong thời gian chung sống ông S thường hay uống rượu về chửi mắn, đánh đập nhiều lần, làm cho bà U hoãn sợ phải dọn đi nơi khác

để sinh sống. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại tòa ông S không đưa ra được giải pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng. Mặc dù, Tòa án đã động viên, hòa giải nhưng bà U vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông S. Từ những tình tiết này, đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử nhận định tình trạng hôn nhân giữa bà U và ông S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà U là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 10/11/1984, Nguyễn Thúy H, sinh ngày 12/02/1986 và Nguyễn Hữu N, sinh ngày 07/11/1988, hiện con thành niên nên có khả năng lao động, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Tại tòa bà U xin rút lại toàn bộ yêu cầu về chia tài sản chung. Xét, việc rút yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật dân sự.

[4] Về nợ chung: Tự thoả thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà U, căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án nên bà U phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án; điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và điểm c mục 2 Thông tư số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đặng Thị U được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà Đăng Thị U về việc không yêu cầu ông Nguyễn Văn S chia căn nhà tường cấp 04 và yêu cầu chia ½ quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 387, tờ bản đồ số HCC6, diện tích 4.787m^2 và thửa số 531, tờ bản đồ số HCC6, diện tích 2.246m^2 và thửa số 532, tờ bản đồ số HCC6, diện tích 288m^2 tọa lạc tại ấp A, xã A, H. Cái Bè, Tiền Giang do UBND huyện Cái Bè cấp ngày 09/01/1998 do ông S đứng tên.

3. Về án phí: Bà Đặng Thị U phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010836 ngày 10/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, nên xem như bà U đã nộp xong án phí.

Hoàn trả cho bà Đặng Thị U số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) theo biên lai thu số 0010835 ngày 10/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Đặng Thị U, ông Nguyễn Văn S có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Khỏe

* ***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.